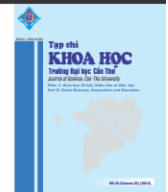




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CÁC TÁC PHẨM ĐI SỨ TRUNG QUỐC CỦA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Hoàng Yến¹

¹ Khoa Văn học Trung Quốc, Trường Đại học quốc lập Thành Công, Đài Loan

Thông tin chung:

Ngày nhận: 09/08/2014

Ngày chấp nhận: 27/02/2015

Title:

Researches on Vietnamese envoys' works - A review of foreign researches

Từ khóa:

Tác phẩm đi sứ, thơ đi sứ, quan hệ Việt Trung, giao lưu văn hóa Việt Trung, hình tượng Trung Quốc, Lê Quý Đôn, Lý Văn Phức, Nguyễn Du, Nguyễn Thuật, Tương học

Keywords:

Vietnamese envoys' work, Yanxinglu, the relationship between Vietnam and China, the culture exchange, the image of China, Lê Quý Đôn, Lý Văn Phức, Nguyễn Du, Nguyễn Thuật, Xiangxue

ABSTRACT

*The works of Vietnamese envoys during their trips to China are very unique and valuable for many aspects of studies. Outside of Vietnam, after *Vãng Tân nhật ký* was published, especially after *Yuenan Hanwen Yanxing wenxian jicheng* came out, there are more and more researches on Vietnamese envoys' works. In this paper, we try to survey all related researches of foreign scholars and classify those for future researches. The findings shows that, there are about fifty researches up to now which mainly focus on the culture exchange and the relationship between Vietnam and China, the image of China in Vietnamese envoys' eyes, using Vietnamese envoy's works for China area studies... Compared with the amount of authors, works already published, as well as the value of those books, we cannot be satisfied with the above number of researches. Hence with this paper, we want to figure out the review of researches on Vietnamese envoys' works outside of Vietnam, and hope that there will be more and more researches on this topic in the near future.*

TÓM TẮT

*Tác phẩm đi sứ của các sứ giả Việt Nam sang Trung Quốc là một loại hình văn bản đặc biệt, có giá trị sử liệu to lớn và quan trọng. Tại nước ngoài, từ khi *Vãng Tân nhật ký* của Nguyễn Thuật, tác phẩm đi sứ đầu tiên được ấn hành, đặc biệt sau khi *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập* thành được xuất bản, các học giả nước ngoài đã chú ý hơn và lần lượt cho ra nhiều công trình nghiên cứu liên quan. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành thu thập, khảo sát và phân loại các nghiên cứu về tác phẩm đi sứ của Việt Nam ở nước ngoài tính đến thời điểm hiện tại. Kết quả cho thấy, đến nay đã có hơn năm mươi công trình được công bố, chủ yếu tập trung vào một số chủ đề như giá trị sử liệu của các tư liệu, quan hệ, giao lưu văn hóa Việt – Trung, hình tượng Trung Quốc qua con mắt các sứ giả Việt Nam, tư liệu đi sứ và nghiên cứu khu vực học Trung Quốc... Tuy nhiên, số lượng tác giả, tác phẩm đi sứ đã được công bố, cũng như giá trị của chúng. Thông qua bài viết, chúng tôi hi vọng sẽ cung cấp cho độc giả một cái nhìn tổng quát về tình hình nghiên cứu tác phẩm đi sứ tại nước ngoài, và hi vọng trong tương lai không xa sẽ có nhiều nghiên cứu hơn khai thác loại hình tác phẩm này.*

1 GIỚI THIỆU

Mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc được hình thành từ rất sớm và có lịch sử phát triển lâu đời và phức tạp. Từ năm 938 nhà Đinh mở quốc, hình thành nhà nước Việt Nam độc lập cho đến năm 1883, mối quan hệ này được thực hiện thông qua hình thức triều cống - sắc phong mà thông thường Việt Nam phải tiên hành triều cống cho các triều đại phong kiến Trung Quốc theo thể thức ba năm một lần, bốn năm hai lần hoặc sáu năm hai lần. Trong quá trình đi sứ thực hiện nhiệm vụ, các sứ thần của Việt Nam thường sáng tác nhiều tác phẩm ghi lại những điều mắt thấy tai nghe. Bộ phận tác phẩm này ở Việt Nam thường được gọi là “văn học sứ trình”, “thơ đi sứ”, “thơ văn đi sứ”, “thơ sứ trình”... hay “Yên hành lục” theo tên gọi của học giả Trung Quốc và nước ngoài. Các tác phẩm đi sứ có đóng góp rất lớn cho nghiên cứu về thể chế triều cống – sắc phong, sự trao đổi, giao lưu văn hóa, kinh tế giữa hai nước Việt – Trung. Những ghi chép trong quá trình đi sứ cũng là nguồn tư liệu phong phú, đáng tin cậy cho các nghiên cứu văn hóa, xã hội, lịch sử của các địa phương Trung Quốc mà đoàn sứ giả đi qua. Trước đây, các tác phẩm đi sứ của Việt Nam chủ yếu được lưu giữ tại các thư viện ở Việt Nam và một số thư viện nước ngoài, cộng thêm rất ít tác phẩm đi sứ đã được xuất bản nên việc tiếp xúc, nghiên cứu các tác phẩm này khá khó khăn đối với các học giả nước ngoài. Vào năm 2010, đại học Phúc Đán, Thượng Hải và Viện nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam đã cùng nhau hợp tác xuất bản bộ sách *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành* (越南漢文燕行文獻集成 (越南所藏編)) (từ đây sẽ gọi tắt là *Tập thành*) gồm 25 quyển, tập hợp 79 tác phẩm thơ văn đi sứ của 53 vị sứ thần của Việt Nam. Bộ sách được xuất bản rộng rãi đã tạo nên một làn sóng nghiên cứu về Yên hành lục của Việt Nam tại Trung Quốc và nước ngoài. Tuy nhiên, nếu so sánh với các nghiên cứu về Yên hành lục của các sứ giả Hàn Quốc, Nhật Bản, thì các nghiên cứu về Việt Nam còn rất ít cả về số lượng và đề tài. Trong bài viết này, để độc giả có cái nhìn tổng quan, làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi tiến hành tổng hợp và phân loại các nghiên cứu về tác phẩm đi sứ sang Trung Quốc của sứ giả Việt Nam ở nước ngoài (chủ yếu là từ Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông... với ngôn ngữ nghiên cứu chính là tiếng Trung và tiếng Anh) tính đến thời điểm hiện tại.

2 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÁC TÁC PHẨM ĐI SỨ CỦA VIỆT NAM

2.1 Tên gọi các tác phẩm đi sứ của Việt Nam

Tên gọi các tác phẩm đi sứ của Việt Nam khá phong phú. Một số sứ giả trực tiếp lấy tên gọi của đất nước hoặc điếm đên của chuyến đi để đặt tên, như “Sứ Hoa/Hoa trình/Hoa nguyên/Hoàng Hoa/Bắc sứ/Yên đài/Yên thiều/Sứ Thanh/Như Thanh/Yên hành/Như Yên”, hoặc lấy tính chất chuyến đi để đặt tên như “Sứ trình/Sứ tập/Sứ thiều/Tĩnh thiều”. Một số lấy tên tự, hiệu của mình để đặt tên tác phẩm, như “A thi tập/văn tập/nhật lục” (như *Mặc Ông sứ tập*). Qua khảo sát tên gọi của 79 tác phẩm, phát hiện tên gọi qua các triều đại cũng có những khác biệt đáng lưu ý. Các tác phẩm sứ trình triều Hậu Lê, Tây Sơn đa phần sử dụng những tên gọi như “Sứ trình/Hoa Nguyên/Bắc sứ/Vãng bắc/Hoa Trình”. Các tác phẩm triều Nguyễn có nhiều cách đặt tên hơn. Thời kỳ đầu triều Nguyễn tiếp tục sử dụng “Sứ trình/Hoa Nguyên/Bắc hành”, đến thời kỳ giữa và cuối sử dụng “Sứ Thanh/Như Thanh/Yên hành/Yên thiều”. Sự thay đổi tên gọi từ “Hoa trình/Hoa nguyên” đến “Như Thanh/Sứ Thanh/Yên thiều” đánh dấu sự thay đổi về quan điểm, cách nhìn của các sứ giả về đất nước, con người Trung Hoa mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong một bài viết khác.

2.2 Thể loại và chữ viết của các tác phẩm đi sứ

Các tác phẩm sứ trình Việt Nam được viết bằng nhiều thể loại khác nhau, bao gồm thi ca (như *Phương Đình vạn lý tập*, *Yên Thiều thi tập*), nhật ký (nhật lục) (như *Như Thanh nhật ký*, *Yên thiều nhật trình*), tạp lục (*Bắc hành tạp lục*, *Bắc hành từng ký*), bút đàm (trích đoạn trong tác phẩm đi sứ của Lê Quý Đôn), địa lý (*Bắc dư tập lãm*), tranh vẽ lộ trình đi sứ (*Hoàng Hoa đồ phổ*, *Như Thanh đồ*), tấu thảo (*Như Yên dịch trình tấu thảo*). Trong đó thể loại thi ca chiếm đa số, sau đó là những tác phẩm kết hợp nhiều thể loại như thi ca và nhật ký, thi tập và tạp lục, thi tập và tấu thảo, tranh vẽ và tạp lục...

Ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm đi sứ chủ yếu là chữ Hán, nhưng cũng có một số tác phẩm viết bằng chữ Nôm như *Sứ trình tiện lãm khúc*, *Phụng sứ Yên kinh tổng ca tịnh nhật ký*, *Sứ trình tân truyện*, *Lữ hành ngâm tập*, *Yên đài anh ngữ*... Việc sử dụng chữ Nôm trong các tác phẩm sứ trình là một hiện tượng rất lý thú. Dù số lượng

tác phẩm đi sứ chữ Nôm không nhiều nhưng nó cho thấy đến giai đoạn này, chữ Nôm đã có sự phát triển nhất định và sự coi trọng của các văn nhân đối với ngôn ngữ dân tộc được nâng cao, tính dân tộc trong các tác phẩm do vậy cũng được thể hiện rõ nét hơn. Việc khảo sát về ngôn ngữ sáng tác cũng sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về quá trình truyền bá, tiếp nhận, ảnh hưởng của các tác phẩm đi sứ trong thời kỳ đó.

2.3 Tình hình xuất bản tác phẩm đi sứ của Việt Nam tại nước ngoài

Trước hết, chúng ta đi qua tình hình xuất bản, giới thiệu tác phẩm đi sứ ở Việt Nam. Ở Việt Nam, các tác phẩm đi sứ được xuất bản khá lẻ tẻ, đứt quãng, tập trung không đồng đều về mặt tác giả dù các tác phẩm đi sứ được chú ý khá sớm và có hẳn một dòng văn học đi sứ, thơ đi sứ trong văn học Việt Nam. Ngay từ đầu thế kỷ XX, *Nam phong tạp chí* bản tiếng Việt đã cho dịch sang chữ quốc ngữ và giới thiệu tác phẩm đi sứ bằng chữ Nôm như *Sứ trình tiệp lãm khúc*, *Sứ Hoa nhân vịnh*¹, hoặc giới thiệu thơ ca đi sứ của một số tác giả như Đặng Văn Khải, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Tư Giản². Đến năm 1944, tờ *Trung Bắc tân văn* từ số 195 giới thiệu tác phẩm *Hoa trình tiệp lãm khúc*. Từ đó đến nay, có rất nhiều sách giới thiệu, tuyển tập tác phẩm của các tác giả đơn lẻ đồng thời là các sứ giả được xuất bản nhưng đa phần không cho các tác phẩm đi sứ một chỗ đứng riêng³. Tác phẩm đầu

tiên và duy nhất cho đến thời điểm này của Việt Nam lấy thơ ca đi sứ làm trung tâm để tuyển dịch và giới thiệu một số lượng lớn là tập *Thơ đi sứ* của Phạm Thiều và Đào Quang Bình xuất bản năm 1993⁴. Như vậy, có thể nói đến thời điểm hiện tại Việt Nam vẫn chưa có một bộ sách tổng hợp, giới thiệu toàn diện diện mạo thơ đi sứ của Việt Nam.

Ở nước ngoài, tình hình xuất bản các tác phẩm đi sứ của Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định. Trần Kinh Hòa đã cho xuất bản và giới thiệu tác phẩm *Vãng Tân nhật ký* của Nguyễn Thuật từ năm 1980 tại Hồng Kông. Đây là một tư liệu quý, giúp ích cho quá trình nghiên cứu quan hệ triều cống Việt – Trung cũng như nghiên cứu về tình hình giao thiệp giữa Việt Nam, Trung Quốc và Pháp trong giai đoạn lịch sử gay gắt này. Ở Trung Quốc, đại học Phúc Đán kết hợp với Viện nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam xuất bản bộ sách *Tập thành* gồm 25 tập. Dù bộ sách vẫn còn một số thiếu sót⁵, nhưng đây vẫn là công trình chính lý, thu thập nhiều tư liệu đi sứ của Việt Nam nhất cho đến thời điểm này. Sự ra đời của bộ sách có vai trò vô cùng lớn trong việc giới thiệu và thu hút sự quan tâm của học giả nước ngoài từ chú ý đến nghiên cứu các tác phẩm đi sứ Việt Nam mà các kết quả nghiên cứu sẽ được chúng tôi trình bày dưới đây.

¹ Nam phong tạp chí từ số 48, quyển 8 (1925) đã liên tục đăng tải nội dung *Sứ Hoa nhân vịnh*, số 99 đăng *Sứ trình tiệp lãm khúc*.

² Như Nam Phong tạp chí bản Hán văn từ số 2 đến số 7 liên tục giới thiệu các tác phẩm của Nguyễn Tư Giản, trong đó có không ít bài thơ đi sứ.

³ Có thể kể ra rất nhiều các tuyển tập thơ ca của các tác giả - sứ giả đã được xuất bản, như Nguyễn Du và Lê Thước, 1978. *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du*. Nhà xuất bản văn học. Hà Nội. Ngô Thị Nhậm và Cao Xuân Huy, 1978. *Tuyển Tập Thơ Văn Ngô Thị Nhậm*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội. Nhiều người soạn, 1982. *Thơ Văn Đoàn Nguyễn Tuấn (Tức Hải Ông Thi Tập)*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội. Trần Thị Băng Thanh, 1987. *Ngô Thi Sĩ*. Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội. Nguyễn Văn Huyền, 1989. *Phạm Thận Duật Cuộc Đời Và Tác Phẩm*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội. Nhóm Trà Lĩnh, 1990. *Đặng Huy Trứ - Con Người Và Tác Phẩm*. Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều người soạn, 1995. *Tuyển Tập Thơ Chữ Hán Nguyễn Đề*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội. Bùi Duy Tân, 2000. *Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan: Tác Giả, Tác Phẩm*. Sở văn hóa thông tin Hà Tây. Hà Tây. Nguyễn Văn Siêu và Trần Lê Sáng, 2010. *Tuyển Tập Văn-Thơ Phương Đình Nguyễn Văn*

Siêu. *Từ Sách Thăng Long 1000 Năm*. Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội. Nguyễn Hoàng Thân, 2011. *Thơ Văn Phạm Phú Thứ*. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Đà Nẵng. Nguyễn Hoàng Thân, 2011. *Phạm Phú Thứ Với Giá Viên Toàn Tập*. Nhà xuất bản Văn học. Đà Nẵng. Phạm Phú Thứ, 2014. *Phạm Phú Thứ Toàn Tập*. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Đà Nẵng.

⁴ Tham khảo Phạm Thiều và Đào Phương Bình, 1993. *Thơ Đi Sứ*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội. Ngoài ra, trong quá trình tham khảo tài liệu chúng tôi có thấy nhắc đến tập *Ngô Thi Sĩ: Thơ đi sứ* được xuất bản tại Việt Nam nhưng do chúng tôi không tìm được những thông tin cụ thể về cuốn sách nên mạn phép không dẫn chứng trong bài viết này.

⁵ Tham khảo Nguyễn Công Lý, 2013. *Diện mạo thơ sứ trình trung đại Việt Nam và thơ đi sứ của Nguyễn Trung Ngạn*. *Tạp chí khoa học, đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*. 95: 49-109. Theo tác giả Nguyễn Công Lý, bộ sách chưa thu thập đầy đủ các tác phẩm đi sứ hiện có, như thiếu tác phẩm của Phạm Sư Mạnh (được chép gộp trong *Hiệp thạch tập*), hay đồng thời xuất bản *Bắc hành tạp lục, Sứ trình trứ tác* của Nguyễn Du, điều này dễ khiến độc giả hiểu lầm Nguyễn Du sáng tác hai tác phẩm trong quá trình đi sứ nhưng thực chất hai tác phẩm này là một, tác phẩm sau chỉ là bản sao chép dựa vào tác phẩm trước.

3 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TÁC PHẨM ĐI SỨ CỦA VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

Trong phạm vi bài viết này, khi nói đến tình hình nghiên cứu các tác phẩm đi sứ sang Trung Quốc của Việt Nam tại nước ngoài, chủ yếu bao gồm các kết quả thực hiện bằng tiếng Trung và tiếng Anh tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2014. Những nghiên cứu được đề cập trong bài viết có ba loại, bao gồm các bài đăng tạp chí, luận văn, và các kế hoạch nghiên cứu. Sau một thời gian tìm kiếm và khảo sát, chúng tôi đã thống kê được 53 nghiên cứu, tập trung chủ yếu ở Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Mỹ. Trong đó có 52 nghiên cứu đã hoàn thiện, 1 công trình đang trong quá trình thực hiện⁶. Có thể chia những nghiên cứu này thành hai giai đoạn, lấy năm 2010 là năm bộ *Tập thành* xuất bản làm mốc phân chia. Giai đoạn 1 trước năm 2010 có 9 nghiên cứu. Giai đoạn 2 là sau khi bộ sách được phát hành với số lượng kết quả nghiên cứu gấp hơn năm lần. Để độc giả dễ theo dõi và khai thác tư liệu, chúng tôi căn cứ vào nội dung và thời gian các bài viết để phân loại các nghiên cứu về tác phẩm đi sứ của Việt Nam ở nước ngoài như dưới đây. Trong quá trình phân loại, việc một nghiên cứu đề cập đến nhiều chủ đề khác nhau là không thể tránh khỏi nên chúng tôi cố gắng căn cứ vào nội dung chính của tư liệu để sắp xếp.

3.1 Nhóm nghiên cứu giới thiệu giá trị sử liệu của các tác phẩm đi sứ

Trong nhóm tác phẩm này, nhà nghiên cứu Trần Kinh Hòa đi tiên phong với bài *Thuyết minh xuất bản* sách *Vãng Tân nhật ký* năm 1980. Bài viết giới thiệu chi tiết quá trình phát hiện, xuất bản cuốn *Vãng Tân nhật ký*, cũng như khẳng định giá trị của nó đối với nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam, quan hệ Việt – Trung, thể chế triều cống và tình hình Đông Á. Đây được coi là bài viết nước ngoài đầu tiên lấy tác phẩm đi sứ Trung Quốc của Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu chính nên có ý nghĩa lịch sử, gợi mở rất lớn. Tiếp nối Trần Kinh Hòa, *Giá trị của Vãng Tân nhật ký với nghiên cứu lịch sử cận đại* (阮述《往津日記》在近代史研究上的價值) (Trần Tam Tinh, 1990) kết hợp với một số tư liệu mới phát hiện, khẳng định lại giá trị của cuốn sách với nghiên cứu quan hệ Việt – Trung,

quan hệ Việt – Pháp – Trung và tình hình Đông Á. *Nghiên cứu về các sứ giả Việt Nam trước thềm chiến tranh Trung – Pháp* (中法戰爭前夕越南使節研究——以阮氏為例之探討) (Trần Tam Tinh, 2000) thông qua nội dung các tác phẩm đi sứ của Nguyễn Thuật, Phạm Thân Duật làm rõ hoàn cảnh lịch sử, tính chất chuyến đi sứ, tâm tư các sứ thần nhà Nguyễn trong bối cảnh lịch sử trước khi cuộc chiến Trung – Pháp nổ ra. *Tác phẩm Như Thanh nhật trình của Phạm Thân Duật* (范慎通《如清日程》題解) (Hứa Văn Đường, 2002) giới thiệu văn bản tác phẩm và giá trị nghiên cứu của cuốn sách. *Quá trình đi sứ bắc của Lý Văn Phức và mối quan hệ với văn học Trung Quốc* (越南李文馥的北使經歷及其與中國文學之關係) (Trần Ích Nguyên, 2007) tiến hành sưu tầm toàn bộ tác phẩm đi sứ Trung Quốc của Lý Văn Phức, từ đó khảo sát lộ trình đi sứ, các tác phẩm thơ văn trên đường đi sứ, cuộc đời, tư tưởng, thành tựu văn học của ông. Công trình nghiên cứu sử dụng rất nhiều tư liệu của Việt Nam, Trung Quốc và nước ngoài, có thể nói đây là công trình nghiên cứu quy mô, toàn diện nhất về Lý Văn Phức cho đến nay. *Giới thiệu tác phẩm Vãng Tân nhật ký và đánh giá giá trị sử liệu của nó* (越南漢籍《往津日記》及其史料價值評介) (Vương Chí Cường, 2010) khẳng định lại giá trị của cuốn sách đối với nghiên cứu quan hệ triều cống Việt – Trung và tình hình Đông Á giai đoạn này. *Nghiên cứu về Phùng Khắc Khoan và tác phẩm Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập* (越南仕宦馮克寬及其《梅嶺使華詩集》研究) (Trương Ân Luyện, 2011) đi sâu vào việc nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp Phùng Khắc Khoan và quá trình đi sứ, các hoạt động trong quá trình đi sứ của ông. Tác giả tiến hành khảo sát văn bản, nội dung, giá trị, lộ trình đi sứ qua tác phẩm *Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập*, từ đó đi đến kết luận tư tưởng nhận đồng văn hóa Trung Hoa và ý thức độc lập dân tộc của văn nhân Việt Nam tồn tại cùng lúc, không có mâu thuẫn với nhau. *Nghiên cứu về Yên hành lục của Việt Nam đời Thanh* (清代越南燕行文獻研究) (Chu Lượng, 2012) lấy bộ *Tập thành* làm đối tượng nghiên cứu, tiến hành khảo sát toàn bộ những tác phẩm đi sứ của Việt Nam trong đời Thanh và chỉ ra giá trị sử liệu của chúng. *So sánh tác phẩm Vãng Tân nhật ký và Kiến Phúc nguyên niên như Thanh nhật trình* (越南漢籍《阮述〈往津日記〉》與《建福元年如清日程》的比較) (Vương Chí Cường, 2012) tiến hành đối chiếu hai tác phẩm trên bình diện văn bản, quá trình lưu truyền và nội dung, từ đó rút ra những điểm dị đồng về tính chất, giá trị tư liệu, sự bổ sung cho nhau về mặt nội dung của hai

⁶ Công trình đang thực hiện là Trần Ích Nguyên: Bổ sung và khảo chứng bộ *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, thời gian thực hiện 01/8/2013-31/7/2014, được thực hiện tại trường Đại học quốc lập Thành Công, Đài Loan.

tác phẩm và khẳng định đóng góp của chúng cho nghiên cứu sự kiện lịch sử cụ thể và quan hệ Việt – Trung.

3.2 Nhóm nghiên cứu tác phẩm đi sứ và sự giao lưu văn hóa Việt – Trung

Đây là nhóm nghiên cứu tập trung rất nhiều bài viết khai thác những khía cạnh khác nhau của giao lưu văn hóa Việt – Trung.

Trong quá trình đi sứ, các sứ giả Việt Nam có điều kiện tiếp xúc mật thiết, lâu dài với nhiều văn nhân, quan lại của Trung Quốc và từ đó có không ít những tác phẩm thơ văn thù tạc, tiền tặng ra đời. *Giới thiệu thơ văn đi sứ của các sứ thần đời Trần* (越南陳朝使臣中國使程詩文選輯) (La Trường Sơn, 1998) tập trung giới thiệu văn bản cũng như đánh giá sơ bộ giá trị của các tác phẩm thơ, văn đi sứ của các sứ thần Việt Nam thời trần. *Sứ thần Việt Nam và sự giao lưu văn học Trung Việt* (越南使臣與中越文學交流) (Luu Ngọc Quân, 2007) chỉ ra đặc điểm xuất thân của các sứ thần Việt Nam, phương thức giao lưu văn học của văn nhân hai nước (bao gồm thơ văn tiền tặng, thù tạc, xin tự, đề từ, bình điểm...), thơ văn đi sứ viết bằng thể thơ lục bát và chữ Nôm. Đây là tác phẩm khái quát nhất đề cập đến giao lưu văn học giữa hai nước thông qua các sứ thần. Các nghiên cứu còn lại trong nhóm đều tập trung nghiên cứu vào một tác giả hoặc tác phẩm cụ thể. *Cảm tưởng khi đọc Bắc hành tạp lục của Nguyễn Du* (讀越南詩人阮攸《北行雜錄》有感) (Lê Tu Chương, 1991) ghi lại những cảm xúc, nhận xét của tác giả về tác phẩm *Bắc hành tạp lục*. *Nghiên cứu tác phẩm Bắc hành tạp lục của Nguyễn Du* (阮攸《北行雜錄》研究) (Hàn Hồng Diệp, 2007) nghiên cứu tác phẩm *Bắc hành tạp lục* dưới góc độ văn học. Luận văn đã giới thiệu các loại văn bản, nội dung tư tưởng, thành tựu nghệ thuật của tác phẩm, từ đó khẳng định lại giá trị văn học của *Bắc hành tạp lục*. *Giao lưu văn học giữa sứ thần Việt Nam và quan hộ tổng Trung Quốc – lấy Bùi Văn Dị và Dương Ân Đào làm trung tâm* (越南貢使與中國伴送官的文學交流—以裴文禔與楊恩壽交遊為中心) (Trương Vũ, 2010) khảo sát cụ thể những tác phẩm thơ văn thù tạc, thư từ, hỏi đáp giữa Bùi Văn Dị và Dương Ân Đào. *Mối nhân duyên của văn nhân Liễu Cán và sứ thần Việt Nam* (寓粵文人繆良與越南使節的因緣際會—從筆記小說《塗說》談起) (Trần Ích Nguyên, 2011) tiến hành phân tích các tác phẩm của sứ thần Việt Nam Nguyễn Văn Chương, Lý Văn Phục, Hoàng Kiện Trai, Nhữ Bá Sỹ, Lê Văn Khiêm và văn nhân Trung Quốc Liễu

Cán, qua đó chỉ ra quá trình gặp mặt, giao lưu thi ca, thư từ của hai bên, cũng như tình cảm sâu đậm, tiếc nuối của văn sỹ hai nước khi không có ngày tái ngộ. *Khảo sát những bài thơ được khắc ở Ngô Khê của các sứ thần Việt Nam* (「北南還是一家親」——湖南永州浯溪所見越南朝貢使節詩刻述考) (Trương Kinh Hoa, 2011) tiến hành khảo sát tất cả những bài thơ được các sứ thần Việt Nam khắc lại trên vách đá ở Ngô Khê, Hồ Nam, từ đó chỉ ra sự tương đồng về văn hóa giữa hai nước. *Thi nhân dân tộc Choang Lê Thân Sản và sự giao lưu văn học Trung Việt* (晚清壯族詩人黎申產與中越文學交流) (Luu Ngọc Quân, 2013) giới thiệu thân thế, sự nghiệp Lê Thân Sản, thơ văn thù tạc giữa Lê và các sứ giả Việt Nam, cũng như sự lưu truyền, ảnh hưởng thi tập của Lê ở Việt Nam. *Khảo sát sự giao lưu văn hóa Việt – Trung thời kỳ cuối nhà Thanh qua tác phẩm Vãng Tân nhật ký* (從越南漢籍《往津日記》看晚清中越文化交流) (Vương Chí Cường, 2013) khảo sát những hình thức giao lưu văn học, văn hóa giữa Nguyễn Thuật với các bằng hữu Trung Quốc. Tác giả chỉ ra các phương thức giao lưu văn học chủ yếu bao gồm thư từ qua lại, tặng nhau các tập thơ, xin đề từ. Giao lưu văn hóa gồm trao đổi về y dược, kỹ thuật cận đại, giao thiệp với người Nhật. *Sự giao thiệp giữa sứ thần Đinh Nho Hoàn và văn nhân nhà Thanh qua tác phẩm Mặc Ông sứ tập* (《默翁使集》中所見越南使臣丁儒完與清代文人之交往) (Trịnh Hạnh, 2013) giới thiệu cuộc đời, sự nghiệp của Đinh Nho Hoàn, tác phẩm Mặc Ông sứ tập, lộ trình đi sứ và đặc biệt là sự kết giao giữa Đinh Nho Hoàn với các văn nhân Giang Nam như Vương Xa, Đào Văn Độ, Mã Cơ Tiên. Tác phẩm chỉ ra những ghi chép của Đinh Nho Hoàn về các văn nhân này đã bổ sung cho sự thiếu khuyết của tư liệu Trung Quốc. *Nghiên cứu tư liệu bút đàm khu vực Đông Á - Khái thuật về tư liệu bút đàm Yên hành* (燕行使筆談文獻概述——東亞筆談文獻研究之一) (Vương Dũng, 2013) chỉ ra bút đàm là hình thức giao thiệp quan trọng trong khu vực văn hóa Đông Á, nhờ đó các sứ thần Việt Nam, Hàn Quốc mới có thể nói chuyện, trao đổi thơ văn với các văn nhân Trung Quốc, đây cũng là một điểm tương đồng rất lý thú trong vòng văn hóa Đông Á.

Ngoài văn học, các tác phẩm đi sứ cũng thể hiện những phương diện giao lưu văn hóa khác giữa hai nước. *Từ truyền thống đến đổi mới: hoạt động của các sứ giả và sự giao lưu văn hóa kỹ thuật Trung Việt* (從傳統到「趨新」:使者的活動與清代中越科技文化交流芻議) (Tôn Hoàn Niên, 2010) trình bày về các hoạt động của sứ thần Việt

Nam ở Trung Quốc, đặc biệt chú ý đến những ghi chép về những sự vật, kỹ thuật mới của sứ thần. *Văn hóa ẩm thực Á châu đầu thế kỷ XIX qua ngòi bút Lý Văn Phức* (越南李文馥筆下十九世紀初的亞洲飲食文化) (Trần Ích Nguyên, 2011) phân tích những ghi chép của Lý về ẩm thực Trung Quốc. Kết quả cho thấy do sự tương đồng về ẩm thực giữa Trung Quốc và các nước phương Đông khác nên các ghi chép của Lý Văn Phức về chủ đề này không nhiều. *Điều tra nghiên cứu những ghi chép về mua bán thư tịch của sứ giả Việt Nam thế kỷ XIX (十九世紀越南使節於中國購書記錄之調查與研究)*, *Kinh nghiệm mua thư tịch của sứ giả Việt Nam tại Trung Quốc* (清代越南使節在中國的購書經驗) (Trần Ích Nguyên, 2011-2012) tiến hành thống kê và phân tích số lần, bối cảnh sứ giả Việt Nam mua sách tại Trung Quốc. Tác giả khẳng định những hiểu biết này sẽ giúp ích rất lớn cho quá trình nghiên cứu sách Trung Quốc truyền bá vào Việt Nam, lịch sử nhà sách Trung Quốc, lịch sử xuất bản đời Thanh. *Tham quan cung điện nhà Thanh và xem kịch của các sứ giả Việt Nam* (越南燕行使者的清宮游歷與戲曲觀賞) (Trần Chính Hồng, 2012) miêu tả cụ thể quá trình các sứ giả Việt Nam đến tham quan cung điện và những lần được xem diễn kịch trong cung, từ đó hi vọng có những nghiên cứu cụ thể hơn về sự giao lưu, ảnh hưởng của kịch nghệ hai nước.

3.3 Tác phẩm đi sứ và quan hệ Việt – Trung

Các sứ giả là chủ thể thực hiện các nghi lễ ngoại giao giữa hai nước, do vậy các tác phẩm họ để lại trở thành tư liệu quan trọng để nghiên cứu quan hệ giữa hai nước. *Thơ đi sứ Việt Nam và mối quan hệ Việt – Trung từ thế kỷ XVI đến XIX* (Whither the Bronze Pillars? Envoy Poetry the Sino-Vietnamese Relationship in 16th to 19th Centuries) (Liam, 2001) phân tích các tác phẩm thơ đi sứ Việt Nam để làm rõ cách nhìn nhận về thế giới, về quan hệ Việt – Trung của các sứ thần, văn nhân Việt Nam. *Khảo sát về lộ trình đi sứ của sứ giả An Nam đời Tống trong địa phận Quảng Tây* (宋代安南使節廣西段所經路線考) (Liêu Dân, 2002) dựng lại hành trình cụ thể của sứ giả An Nam trong địa phận tỉnh Quảng Tây trên đường đi sứ Trung Quốc. *Đánh giá giá trị tư liệu của tác phẩm Bắc hành tạp lục của Nguyễn Du* (《拒斥與認同：安南阮攸《北行雜錄》文獻價值審視) (Lý Mô Nhuận, 2005) thông qua phân tích thơ văn trong Bắc hành tạp lục chỉ ra quan điểm của Nguyễn Du về nhận đồng và phân đối văn hóa Trung Quốc, từ đó khẳng định lại giá trị tư liệu của tác phẩm. *Hoạt động và quản lý sứ thần nhà Lê tại*

Trung Quốc và gánh nặng của chế độ triều cống đời Minh Thanh (安南黎朝使臣在中國的活動與管待—兼論明清朝貢制度給官名帶來的負擔) (Trần Văn, 2011) chú trọng phân tích những hoạt động chính trị, ngoại giao, giáo dục của sứ thần nhà Lê tại Trung Quốc và sự tiếp đón của quan lại Trung Quốc, cũng như gánh nặng kinh tế mà quá trình triều cống mang lại. *Bàn về quan điểm biên giới của Trung Quốc và các nước lân cận dưới triều Thanh* (清代中國與鄰國「疆界觀」的碰撞、交融蜀議——以中國、越南、朝鮮等國的「疆界觀」及影響為中心) (Tôn Hoàn Niên, 2011) phân tích quan điểm về biên giới, cương vực của các học giả Trung Quốc, Việt Nam và Hàn Quốc và biểu hiện qua các tác phẩm thơ văn của họ, từ đó tiến hành đối chiếu, so sánh quan điểm giữa các nước. *Sự kết thúc quan hệ triều cống Việt – Trung qua lần đi sứ cuối cùng năm 1883* (從 1883 年越南遣使來華看中越宗藩關係的終結) (Vương Chí Cường, Quyền Hách Tú, 2011) phân tích bối cảnh lịch sử, các hoạt động của sứ bộ Việt Nam tại Trung Quốc năm 1883 và giá trị của chuyến đi sứ trong nghiên cứu sự kết thúc quan hệ triều cống Việt - Trung, quan hệ Việt - Trung trước thềm chiến tranh Trung - Pháp. *Sứ thần Việt Nam và trật tự tông phiên Việt Trung dưới đời Thanh* (越南使臣與清代中越宗藩秩序) (Trần Quốc Bảo, 2012) khẳng định vai trò của các sứ thần Việt Nam trong quá trình ổn định quan hệ tông phiên Trung Việt đời Thanh. *Triều cống, lễ nghi và y phục* (朝貢、禮儀與衣冠——從乾隆五十五年安南國王熱河祝壽及請改易服色說起) (Cát Triệu Quang, 2012) khảo sát sự kiện sứ đoàn Việt Nam tham gia lễ chúc thọ Càn Long năm 1790 xin đổi mặc y phục đại Thanh, qua đó tìm hiểu mối liên hệ phức tạp giữa triều cống, lễ nghi, y phục của ba nước Trung, Việt, Hàn. *Tam Di tương hội* (三「夷」相會——以越南漢文燕行文獻集成為中心) (Trương Kinh Hoa, 2012) thông qua phân tích những ghi chép, gặp mặt, thù tạc của sứ thần Việt Nam, văn nhân Trung, Hàn khảo sát sự nhận đồng văn hóa Hán và quan điểm Hoa Di của ba nước.

3.4 Tác phẩm đi sứ và Tương học

Tương là tên gọi tắt vùng Hồ Nam, Trung Quốc. *Tương học* là bộ môn nghiên cứu về mọi mặt văn hóa, kinh tế, xã hội... vùng Hồ Nam và đang được các học giả khu vực Hồ Nam chú trọng trong thời gian gần đây. Các sứ giả Việt Nam trên đường đi sứ hầu hết đều phải đi qua địa phận Hồ Nam và đã để lại rất nhiều thơ văn và ghi chép. Bộ phận tư liệu này trước đây hoàn toàn chưa được

biết tới, sau khi *Đại thành* xuất bản, chúng đã trở thành một phần tư liệu ngoài nước không thể thiếu, vô cùng quý giá của *Tương học* và nhận được không ít sự quan tâm nghiên cứu của các học giả Hồ Nam.

Từ Việt Nam đến Hồ Nam – Đề yếu thi ca về Hồ Nam qua tập Đại Thành (從越南看湖南——《越南漢文燕行文獻集成》湖南詩提要) (Trương Kinh Hoa, 2011) tiến hành thống kê, tổng hợp toàn bộ thơ ca, ghi chép về Hồ Nam trong Đại thành, làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo. *Khảo sát những bài thơ được khắc ở Ngõ Khê của các sứ thần Việt Nam* (Trương Kinh Hoa, 2011) tổng hợp các bài thơ được khắc trên vách đá ở Ngõ Khê, Hồ Nam của các sứ thần Việt Nam và nhận xét của tác giả về văn hóa hai nước. *Chùm thơ Tiêu Tương bách vịnh của Lê Quý Đôn* (黎貴惇《瀟湘百詠》校讀) (Trương Kinh Hoa, 2011) giới thiệu bối cảnh sáng tác toàn bộ thơ ca về Hồ Nam của Lê Quý Đôn. Các nghiên cứu giới thiệu văn bản, hoàn cảnh sáng tác các bài thơ văn liên quan đến Hồ Nam khác bao gồm *Ba mươi bài thơ vịnh Khuất Nguyên của sứ giả Việt Nam* (越南使者詠屈原詩三十首校讀) (Bàng Đan Hoa, 2011), *Sứ thần Việt Nam vịnh Liễu Tông Nguyên* (越南使者詠柳宗元) (Bàng Đan Hoa, 2011), *Nghiên cứu về thơ văn Nguyễn Kết qua thơ văn trong tập Đại Thành* (元結紀詠詩文研究——以湖南沅溪碑林與越南燕行文獻為中心) (Bàng Mẫn, 2012), loạt bài viết *Sứ thần Việt Nam vịnh Vĩnh Châu* (越南使者詠永州) (Bàng Đan Hoa, 2013, 2014). *Thơ đi sứ chữ Hán Việt Nam và văn hóa Hồ Nam* (越南北使漢詩與中國湖湘文化) (Chiêm Chí Hòa, 2011) thông qua các tác phẩm thơ vịnh phong cảnh Hồ Nam, giao lưu giữa văn nhân hai nước phân tích mối quan hệ giữa sứ thần và văn hóa Hồ Nam. *Việt Nam quan phong ký* (東越觀風記) (Bàng Đan Hoa, 2012) ghi lại những ghi chép, cảm nghĩ của một tác giả nghiên cứu về văn hóa Hồ Nam qua các tác phẩm đi sứ Việt Nam khi có dịp đến Việt Nam công tác. *Điều tra, chỉnh lý và nghiên cứu những tác phẩm về Lầu Nhạc Dương của sứ giả Việt Nam* (清代越南使節岳陽樓詩文之調查、整理與研究) (Trần Ích Nguyên, 2012) tiến hành thu thập, thống kê tất cả những ghi chép liên quan đến lầu Nhạc Dương qua tập Đại thành và giá trị nghiên cứu của chúng.

3.5 Tác phẩm đi sứ và hình tượng Trung Quốc

Nghiên cứu về “Hình ảnh/hình tượng” đang là một xu thế nóng của giới học thuật. Sử dụng tư liệu nước ngoài để nhìn lại bản thân càng có ý nghĩa

thời đại và thực tế hơn. *Nghiên cứu tư liệu Yên hành Việt Nam đời Thanh* ngoài giá trị sử liệu, lộ trình đi sứ đã nêu ở trên còn chỉ ra quan điểm, hình tượng Trung Quốc trong mắt các sứ giả Việt Nam. *Hình ảnh Trung Quốc cuối đời Thanh qua những ghi chép của nước ngoài thời cận đại* (近代域外人中國行紀里的晚清鏡像) (Diệp Dương Hi, 2012) phân tích các tác phẩm Nhật, Hàn, Việt (*Vãng Tân nhật ký*), qua đó khảo sát xã hội, văn hóa Trung Quốc cuối đời Thanh.

3.6 Tác phẩm đi sứ và nghiên cứu khu vực học

Lộ trình đi sứ của sứ giả Việt Nam trải dài qua rất nhiều địa phương của Trung Quốc. Trong suốt chặng đường đó, các sứ giả đã lưu lại không ít ghi chép về các địa phương đi qua. Những tư liệu này rất có giá trị cho nghiên cứu lịch sử, xã hội, văn hóa địa phương mà áp dụng vào *Tương học* như trên là một ví dụ điển hình. Ngoài ra, cũng đã có nhiều nghiên cứu thử khai thác tư liệu đi sứ vào những nghiên cứu này như: *Điều tra, chỉnh lý và nghiên cứu tư liệu về Hoàng Hạc Lâu của sứ giả Việt Nam đời Thanh* (清代越南使節黃鶴樓詩文之調查、整理與研究) (Trần Ích Nguyên, 2011), *Thơ ca về Hoàng Hạc Lâu đời Đồng Trị* (清同治年間的黃鶴樓詩文) (Trần Ích Nguyên, 2011), *Cảnh quan địa lý Trung Quốc qua mắt các sứ giả Việt Nam đời Thanh* (清代越南燕行使者眼中的中國地理景觀) (Trương Thiển, 2012), *Nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mã Viện ở khu vực Long Châu đời Thanh* (清代以來龍州地區馬援崇拜研究) (Vương Vũ, 2012)... Đây đều là những thử nghiệm thành công, lý thú, cho thấy hướng nghiên cứu này còn rất nhiều tiềm năng cần tiếp tục được khai thác, mở rộng.

4 MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TÁC PHẨM ĐI SỨ VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

Nhìn lại toàn bộ các nghiên cứu trên, chúng tôi có một số nhận xét về tình hình nghiên cứu các tác phẩm đi sứ Việt Nam tại nước ngoài như sau:

– Số lượng và phạm vi nghiên cứu còn ít. Hiện tại chỉ có 53 nghiên cứu, đa phần xuất hiện sau khi *Tập thành* được xuất bản. Tình hình nghiên cứu các tác giả, tác phẩm cũng diễn ra không đồng đều. Trong khi *Tập thành* có 53 tác giả với 79 tác phẩm thì các nghiên cứu mới nhắc đến 9 tác giả, lại chủ yếu tập trung vào Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Lý Văn Phức, Nguyễn Thuật. Các tác phẩm được đưa vào đối tượng nghiên cứu chính, chuyên sâu thì chỉ có 5 tác phẩm của Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Du,

Lý Văn Phúc, Đinh Nho Hoàn, Nguyễn Thuật, Phạm Thiện Duật. Nếu so sánh với số lượng và chủ đề nghiên cứu các tác phẩm đi sứ của Hàn Quốc (có hơn 100 bài báo, hơn 120 luận văn nghiên cứu), chúng ta sẽ thấy rõ được sự chênh lệch rất lớn. Đây vừa là thách thức, cũng là cơ hội cho các nhà nghiên cứu tác phẩm đi sứ Việt Nam trong và ngoài nước. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kết quả nghiên cứu chưa được nhiều như trên, chúng tôi cho rằng có một số lý do chính như sau. Thứ nhất, tư liệu liên quan của Việt Nam còn ít, cộng thêm yếu tố bất đồng ngôn ngữ nên các học giả nước ngoài khó có điều kiện tìm kiếm, sử dụng tư liệu. Hiện tại, đa số tư liệu Hán Nôm của Việt Nam đều nằm tại Việt Nam hoặc rải rác ở các thư viện nước ngoài. Các tư liệu này đa số chưa được số hóa gây nên khó khăn lớn cho các học giả trong quá trình nghiên cứu về Việt Nam. Thứ hai, việc nghiên cứu về tư liệu đi sứ Việt Nam bắt đầu khá chậm so với Hàn Quốc, Nhật Bản, chưa hình thành được một trào lưu nghiên cứu thực sự nên chưa thu hút được nhiều học giả tham gia.

– Các nghiên cứu về tác phẩm đi sứ của Việt Nam đang có sự tập trung hóa, mất cân bằng thể hiện ở sự phân bố các tác giả nghiên cứu và chủ đề nghiên cứu. Về chủ đề nghiên cứu, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào một số vấn đề sau tác phẩm đi sứ và Tương học (15 nghiên cứu), *Vãng Tân nhật ký* (5), tác phẩm của Lý Văn Phúc (4). Các nghiên cứu sâu khác tập trung vào tác phẩm của Nguyễn Du, Lê Quý Đôn. Còn các tác giả, tác phẩm khác hầu như chỉ được nhắc đến trong nghiên cứu chung, thậm chí có nhiều tác giả, tác phẩm hoàn toàn chưa được nghiên cứu. Các chủ đề nêu trên được tập trung nghiên cứu cũng có lý do riêng. Tương học là ngành nghiên cứu đang được các học giả Hồ Nam chú trọng, nên việc phát hiện và khai thác nguồn tư liệu nước ngoài do vậy cũng đặc biệt được chú ý. Sách *Vãng Tân nhật ký* là tác phẩm đi sứ đầu tiên được xuất bản, giới thiệu riêng rẽ, cộng thêm hoàn cảnh sáng tác, hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của cuốn sách (chuyến đi sứ cuối cùng của Việt Nam, sự giao thiệp giữa ba nước Việt, Trung, Pháp) dễ thu hút sự quan tâm của các học giả. Một số tác giả khác như Nguyễn Du, Lê Quý Đôn thì đều là hai tác giả nổi tiếng của Việt Nam, đã thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu từ trước của học giả quốc tế nên tư liệu nghiên cứu về họ đã có những tích lũy nhất định. Về sự phân bố tác giả, chúng ta dễ nhận thấy hiện đang có bốn trung tâm lớn, đó là khu vực các học giả ở Hồ Nam (15 nghiên cứu), đại học Ký Nam Quảng Châu (5), đại học Phúc Đán (3), đại học Thành Công Đài

Loan (9). Trừ Hồ Nam nơi Tương học đang được chú trọng nghiên cứu, đại học Phúc Đán là đơn vị xuất bản *Tập Thành* thì đại học Ký Nam, đại học Thành Công là hai cơ sở có nhiều giáo sư và cộng sự nghiên cứu về Việt Nam từ lâu và đều đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

5 KẾT LUẬN

Từ khi *Vãng Tân nhật ký*, tác phẩm đi sứ đầu tiên được ấn hành, đặc biệt sau khi *Tập thành* được xuất bản, các nhà nghiên cứu nước ngoài bắt đầu quan tâm hơn và tiên hành khai thác loại hình tư liệu này vào các nghiên cứu về quan hệ Việt – Trung, kinh tế, xã hội, văn hóa lịch sử Trung Quốc... Hiện tại, đã có hơn năm mươi công trình được công bố, chủ yếu tập trung vào một số chủ đề như giá trị sử liệu của các tư liệu, giao lưu văn hóa Việt – Trung, quan hệ Việt – Trung, hình tượng Trung Quốc qua con mắt các sứ giả Việt Nam, tư liệu đi sứ và nghiên cứu khu vực học Trung Quốc... Nếu so sánh với số lượng tác giả, tác phẩm đi sứ đã được công bố, số lượng, chủ đề nghiên cứu như trên chưa thực sự tương xứng với giá trị của loại hình tác phẩm này, đặc biệt nếu đem so sánh với tình hình nghiên cứu tác phẩm cùng loại của Hàn Quốc. Đây vừa là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội cho các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Chắc chắn những tổng hợp của chúng tôi ở trên không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung của quý độc giả. Chúng tôi cũng hi vọng trong tương lai không xa, sẽ có nhiều công trình hơn khai thác loại tư liệu đặc biệt này để cung cấp cho các độc giả nhiều nghiên cứu phong phú, giá trị hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thuật, Trần Kinh Hòa (阮述著, 陳荊和編校), 1990. *Vãng Tân nhật ký* của Nguyễn Thuật (阮述《徃津日記》). Nhà xuất bản đại học Trung Văn. Hồng Kông. 96 trang.
2. Phạm Thiệu và Đào Phương Bình, 1993. *Thơ Đi Sứ*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội. 526 trang.
3. Tạp chí “Nam phong tạp chí” bản tiếng Việt, tiếng Trung, dữ liệu lưu giữ tại đại học quốc lập Thành Công, Đài Loan.
4. Tạp chí “Trung Bắc tân văn”, thư viện quốc gia Việt Nam.
5. Viện nghiên cứu Văn – Sử đại học Phúc Đán, Viện nghiên cứu Hán Nôm (復旦大學文史

- 研究院, 漢喃研究院), 2010. Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (越南漢文燕行文獻集成 (越南所藏編)). Nhà xuất bản đại học Phúc Đán. Thượng Hải. 25 tập.
6. Liam C, Kelley, 2001. Whither the Bronze Pillars? Envoy Poetry the Sino-Vietnamese Relationship in 16th to 19th Centuries. PhD. University of Hawaii.
 7. 王志強 (Vương Chí Cường), 2012. 越南漢籍《阮述〈往津日記〉》與《建福元年如清日程》的比較. 東南亞縱橫. 12: 56-59.
 8. 王志強 (Vương Chí Cường), 2010. 越南漢籍《往津日記》及其史料價值評介. 東南亞縱橫. 12: 71-74.
 9. 王志強 (Vương Chí Cường), 2012. 越南漢籍《阮述〈往津日記〉》與《建福元年如清日程》的比較. 東南亞縱橫. 12: 56-59.
 10. 王志強, 權赫秀 (Vương Chí Cường, Quyền Hách Tú), 2011. 從 1883 年越南遣使來華看中越宗藩關係的終結. 史林. 2: 85-91 + 189.
 11. 王志強 (Vương Chí Cường), 2013. 從越南漢籍《往津日記》看晚清中越文化交流. 蘭台世界. 1: 31-32.
 12. 王雨 (Vương Vũ), 2012. 清代以來龍州地區馬援崇拜研究. 碩士. 廣西民族大學.
 13. 王勇 (Vương Dũng), 2013. 燕行使筆談文獻概述——東亞筆談文獻研究之一. 外文研究. 1(2): 37-42.
 14. 李修章 (Lý Tu Chương), 1991. 讀越南詩人阮攸《北行雜錄》有感. 東南亞研究. 1: 97-99+106.
 15. 李謀潤 (Lý Mô Nhuận), 2005. 《拒斥與認同：安南阮攸《北行雜錄》文獻價值審視. 廣西民族學院學報(哲學社會科學版). 5: 157-161.
 16. 周亮 (Chu Lượng), 2012. 清代越南燕行文獻研究. 碩士. 暨南大學. 廣州.
 17. 孫宏年 (Tôn Hoàn Niên), 2010. 從傳統到「趨新」: 使者的活動與清代中越科技文化交流芻議. 文山學院學報. 1: 39-44.
 18. 孫宏年 (Tôn Hoàn Niên), 2011. 清代中國與鄰國「疆界觀」的碰撞、交融芻議——以中國、越南、朝鮮等國的「疆界觀」及影響為中心. 中國邊疆史地研究. 4: 12-22.
 19. 張宇 (Trương Vũ), 2010. 越南貢使與中國伴送官的文學交流——以裴文禔與楊恩壽交遊為中心. 學術探索. 4: 140-144.
 20. 張京華 (Trương Kinh Hoa), 2011. 「北南還是一家親」——湖南永州浯溪所見越南朝貢使節詩刻述考. 中南大學學報(社會科學版). 5: 160-63.
 21. 張京華 (Trương Kinh Hoa), 2011. 從越南看湖南——《越南漢文燕行文獻集成》湖南詩提要. 湖南科技學院學報. 3: 54-62.
 22. 張京華 (Trương Kinh Hoa), 2011. 黎貴惇《瀟湘百詠》校讀. 湖南科技學院學報. 10: 41-48.
 23. 張京華 (Trương Kinh Hoa), 2012. 三「夷」相會——以越南漢文燕行文獻集成為中心. 外國文學評論. 1: 5-44.
 24. 張恩練 (Trương Ân Luyện), 2011. 越南仕宦馮克寬及其《梅嶺使華詩集》研究. 碩士. 暨南大學. 廣州.
 25. 張茜 (Trương Thiên), 2012. 清代越南燕行使者眼中的中國地理景觀. 碩士. 復旦大學.
 26. 許文堂 (Hứa Văn Đường), 2002. 范慎通《如清日程》題解. 亞太研究通訊. 18: 24-27.
 27. 陳三井 (Trần Tam Tinh), 1990. 阮述《往津日記》在近代史研究上的價值. 台灣師大歷史學報. 18: 231-44.
 28. 陳三井 (Trần Tam Tinh), 2000. 中法戰爭前夕越南使節研究——以阮氏為例之探討. In: 許文堂 (Editor). 越南·中國與臺灣關係的轉變. 中央研究院東南亞區域研究計畫. 臺北. 63-76.
 29. 陳文 (Trần Văn), 2011. 安南黎朝使臣在中國的活動與管待——兼論明清朝貢制度給官名帶來的負擔. 東南亞縱橫. 5: 78-84.
 30. 陳正宏, 2012. 越南燕行使者的清宮游歷與戲曲觀賞. 故宮博物院院刊. 5: 31-40.
 31. 陳益源 (Trần Ích Nguyên), 2008. 越南李文馥的北使經歷及其與中國文學之關係. 國立成功大學. 台南.
 32. 陳益源, 凌欣欣 (Trần Ích Nguyên, Lăng Hân Hân), 2011. 清同治年間的黃鶴樓詩文.
 33. 陳益源 (Trần Ích Nguyên), 2010. 十九世紀越南使節於中國購書記錄之調查與研究. 國立成功大學. 台南.

34. 陳益源(Trần Ích Nguyên), 2011. 清代越南使節在中國的購書經驗. In: 陳益源 (Editor) 越南漢籍文獻述論. 中國書局. 北京. 1-48.
35. 陳益源(Trần Ích Nguyên), 2011. 清代越南使節黃鶴樓詩文之調查、整理與研究. 國立成功大學. 台南.
36. 陳益源(Trần Ích Nguyên), 2011. 寓粵文人繆良與越南使節的因緣際會——從筆記小說《塗說》談起. 明清小說研究. 2: 212-226.
37. 陳益源(Trần Ích Nguyên), 2011. 越南李文馥筆下十九世紀初的亞洲飲食文化. In: 陳益源 (Editor) 越南漢籍文獻述論. 中華書局. 北京. 263-282.
38. 陳益源(Trần Ích Nguyên), 2012. 清代越南使節岳陽樓詩文之調查、整理與研究. 國立成功大學. 台南.
39. 陳國寶 (Trần Quốc Bảo), 2012. 越南使臣与清代中越宗藩秩序. 清史研究. 2: 63-75.
40. 彭丹華 (Bàng Đan Hoa), 2012. 東越觀風記. 湖南科技學院學報. 9: 205-208.
41. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2011. 越南使者詠屈原詩三十首校讀. 湖南科技學院學報. 10: 35-40.
42. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2011. 越南使者詠柳宗元. 湖南科技學院學報. 3: 27-29.
43. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2013. 越南使者詠永州(一). 湖南科技學院學報. 7: 14-20.
44. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2013. 越南使者詠永州(二). 湖南科技學院學報. 9: 15-20.
45. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2013. 越南使者詠永州(三). 湖南科技學院學報. 10: 26-29.
46. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2014. 越南使者詠永州(五). 湖南科技學院學報. 2: 40-42.
47. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2014. 越南使者詠永州(六). 湖南科技學院學報. 5: 55-59.
48. 彭丹華(Bàng Đan Hoa), 2014. 越南使者詠永州(四). 湖南科技學院學報. 1: 26-32.
49. 彭敏 (Bàng Mẫn), 2012. 元結紀詠詩文研究——以湖南浯溪碑林與越南燕行文獻為中心. 湖南科技學院學報. 1: 16-20.
50. 葉楊曦, 2012. 近代域外人中國行紀里的晚清鏡像. 碩士. 南京大學.
51. 葛兆光 (Cát Triệu Quang), 2012. 朝貢、禮儀與衣冠——從乾隆五十五年安南國王熱河祝壽及請改易服色說起. 復旦學報(社會科學版). 2: 1-11.
52. 詹志和(Bàng Đan Hoa), 2011. 越南北使漢詩與中國湖湘文化. 中南林業科技大學學報(社會科學版). 6: 147-150.
53. 廖寅 (Liêu Dần), 2012. 宋代安南使節廣西段所經路線考. 中國歷史地理論叢. 2: 95-104.
54. 劉玉琚 (Luu Ngọc Quân), 2013. 晚清壯族詩人黎申產與中越文學交流. 民族文學研究. 3: 29-38.
55. 劉玉琚 (Luu Ngọc Quân), 2007. 越南使臣與中越文學交流. 學術交流. 1: 141-146.
56. 鄭幸 (Trịnh Hạnh), 2013. 《默翁使集》中所見越南使臣丁儒完與清代文人之交往. 文獻. 2: 174-180.
57. 韓紅葉 (Hàn Hồng Diệp), 2007. 阮攸《北行雜錄》研究. 碩士. 首都師範大學.
58. 羅長山 (La Trường Sơn), 1998. 越南陳朝使臣中國使程詩文選輯. 廣西教育學院學報. 1: 205-211.